TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST Ngày: 18 – 02 – 2020 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng cho con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 570/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng cho con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1993 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Thanh L, sinh năm 1994 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp 2, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Văn Thanh L tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và đăng ký kết hôn ngày 22/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh L không lo làm ăn, ham mê cờ bạc. Mặc dù, chị và gia đình chồng có khuyên anh L nhiều lần nhưng không đạt kết quả, làm cho vợ chồng thường xuyên cự cải dẫn đến mất hạnh phúc. Nên tháng 10/2019, chị mang con về nhà cha mẹ ruột chị sống ly thân cho đến nay không trở về đoàn tụ.

Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh L có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Như Y, sinh ngày 18/3/2017 hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Y, yêu cầu anh L cấp dưỡng cho cháu Y hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Y tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn Thanh L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Văn Thanh L đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo thủ tục chung.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn Thanh L là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân anh L không chí thú làm ăn, thường chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng cự cải, mất hạnh phúc và sống ly thân nhau. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T xác định chị không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Căn cứ vào lời trình bày của chị T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa chị T và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T và anh L.

[4] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*:

[4.1] Chị T và anh L có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Như Y, sinh ngày 18/3/2017. Xét cháu Y là trẻ em gái dưới 36 tháng tuổi, còn trong độ tuổi cần sự chăm sóc ân cần của người mẹ và đang do chị T nuôi dưỡng. Để ổn định môi trường sống và sự chăm sóc ân cần cho trẻ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu Y cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

[4.2] Xét sau khi ly hôn, anh L là người không trực tiếp nuôi con. Xét mức yêu cầu cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng cho con của chị T là phù hợp, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của cháu Y. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83, các điều 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Y hàng tháng số tiền 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 18/02/2020 cho đến khi cháu Y tròn 18 tuổi, số tiền này được giao cho chị T nhận.

[4.3] Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết chị T phải chịu 300.000 đồng án phí giải quyết ly hôn và được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, anh L phải chịu 300.000 đồng án phí giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, các điều 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn Thanh L.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Như Y, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Thùy T được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Buộc anh Nguyễn Văn Thanh L phải cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Nguyễn Như Y số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020 cho đến khi cháu Y tròn 18 (mười tám) tuổi. Anh L có trách nhiệm giao số tiền cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị Thùy T nhận.

2.3. Anh Nguyễn Văn Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc chị Nguyễn Thị Thùy T phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0012292 ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4.2. Buộc anh Nguyễn Văn Thanh L phải nộp án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Nguyễn Thị Thùy T, vắng mặt anh Nguyễn Văn Thanh L. Báo cho chị T có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh L vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã H: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Cao Minh Tân